



DỰ ÁN VN14-P6



Biên soạn: **PGS.TS. TRẦN NGỌC BÍCH** (Chủ biên)
TS. NGUYỄN THANH LÂM - TS. NGUYỄN KHÁNH THUẬN

KỸ THUẬT PHÒNG TRỊ BỆNH TRÊN BÒ



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC CẦN THƠ
2022

LỜI GIỚI THIỆU

Nhằm góp phần phong phú nguồn tài liệu phục vụ nghiên cứu, học tập cho bạn đọc, cán bộ thú y viên, sinh viên ngành Chăn nuôi-Thú y và Thú y. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ ấn hành và giới thiệu cùng bạn đọc tài liệu “Kỹ thuật phòng trị bệnh trên bò” do PGS.TS. Trần Ngọc Bích, TS. Nguyễn Thanh Lãm và TS. Nguyễn Khánh Thuận biên soạn.

Tài liệu gồm 6 chương, nội dung trình bày các loại bệnh phổ biến trên bò, trong đó có các bệnh liên quan vấn đề truyền nhiễm, ký sinh trùng, sinh sản và một chương nói về an toàn sinh học trong chăn nuôi bò. Tài liệu là nguồn tham khảo trong việc nhận biết, phát hiện và có biện pháp phòng một số bệnh phổ biến trên bò.

Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ chân thành cảm ơn các tác giả và sự đóng góp ý kiến của quý thầy cô trong Hội đồng thẩm định Trường Đại học Cần Thơ để tài liệu “Kỹ thuật phòng trị bệnh trên bò” được ra mắt bạn đọc.

Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ trân trọng giới thiệu đến cán bộ thú y viên, sinh viên, giảng viên ngành Chăn nuôi-Thú y và Thú y, bạn đọc tài liệu này.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC CẦN THƠ

LỜI NÓI ĐẦU

Tài liệu kỹ thuật phòng trị bệnh trên bò được biên soạn dựa trên những bệnh xuất hiện phổ biến trong chăn nuôi bò. Trong phạm vi một quyển tài liệu chúng tôi không thể trình bày hết tất cả các bệnh xảy ra trên bò, do đó các bệnh được trình bày dựa trên tính phổ biến và mức độ ảnh hưởng đến con vật. Hiện nay, bệnh trên bò chưa được quan tâm đúng mức và trong nước chưa có nhiều tài liệu chuyên môn về bệnh trên bò. Với mong muốn cung cấp kiến thức về kỹ thuật phòng trị bệnh trên bò, “Tài liệu kỹ thuật phòng trị bệnh trên bò” được biên soạn.

Tài liệu được chia ra làm sáu chương. Chương một giới thiệu một số giống bò hiện đang được nuôi phổ biến hiện tại, quy trình chăm sóc-nuôi dưỡng và nhận biết những biểu hiện lâm sàng khi bò nhiễm bệnh. Chương hai, ba, bốn và năm trình bày những bệnh phổ biến thường gặp trên bò liên quan đến yếu tố truyền nhiễm, ký sinh trùng, sinh sản trên bò và ở mỗi chương tài liệu giúp người đọc nhận ra nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích, cách chẩn đoán, phương pháp phòng và điều trị bệnh. Chương sáu đề cập đến an toàn sinh học trong chăn nuôi bò và quản lý đàn kiểm soát bệnh trong chăn nuôi. Nội dung trong quyển tài liệu này do nhóm tác giả, qua nhiều năm nghiên cứu và đúc kết những kết quả từ thực hiện đề tài KHCN tỉnh Bến Tre và dự án ODA VN14-P6 phát triển Trường Đại học Cần Thơ đã hỗ trợ và tạo điều kiện cho chúng tôi thực hiện nghiên cứu. Từ những thông tin cơ bản của quyển tài liệu này, hy vọng giúp người chăn nuôi, trong việc nhận biết, phát hiện và có biện pháp phòng một số bệnh phổ biến trên bò, đồng thời làm nguồn tài liệu tham khảo cho cán bộ thú y viên, sinh viên, giảng viên ngành Chăn nuôi-Thú y và Thú y.

Mặc dù đã đọc và tham khảo nhiều tài liệu trong và ngoài nước, đã cố gắng thể hiện tính cơ bản, khoa học và cố gắng hệ thống hóa một số bệnh nhất định nào đó, khả năng mô tả vẫn còn những hạn chế. Tập thể tác giả kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến quý báu của bạn đọc.

BAN BIÊN SOẠN

MỤC LỤC

Chương 1. GIỚI THIỆU	1
1.1 ĐẶC ĐIỂM MỘT SỐ GIỐNG BÒ	1
1.2 XÂY DỰNG CHUỒNG TRẠI	7
1.3 QUY TRÌNH CHĂM SÓC - NUÔI DƯỠNG	8
1.3.1 Đặc điểm tiêu hóa ở bò	8
1.3.2 Chăm sóc nuôi dưỡng bò	10
1.4 KHÁM LÂM SÀNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỦA BÒ	12
Chương 2. BỆNH TRUYỀN NHIỄM	14
2.1 BỆNH DO VI KHUẨN	14
2.1.1 Bệnh lao	14
2.1.2 Bệnh tụ huyết trùng	17
2.1.3 Bệnh thương hàn	20
2.1.4 Bệnh <i>E.coli</i>	23
2.2 BỆNH DO VIRUS	26
2.2.1 Bệnh lở mồm long móng	26
2.2.2 Bệnh viêm da nổi cục	30
Chương 3. BỆNH KÝ SINH TRÙNG	35
3.1 BỆNH SÁN LÁ GAN	35
3.2 BỆNH SÁN DÂY	39
3.3 BỆNH CẦU TRÙNG	41
3.4 VE, GHẺ	44
3.5 BỆNH TIÊM MAO TRÙNG	45
3.6 BỆNH BIÊN TRÙNG	47
3.7 BỆNH LÊ DẠNG TRÙNG	48
Chương 4. BỆNH SINH SẢN	52
4.1 MỘT SỐ RỐI LOẠN SINH SẢN THƯỜNG GẶP	52
4.2 MỘT SỐ BỆNH SẢN KHOA	55
4.2.1 Bệnh viêm tử cung	55
4.2.2 Hiện tượng sót nhau	57
4.2.3 Bệnh viêm vú	60
Chương 5. MỘT SỐ HỘI CHỨNG THƯỜNG GẶP TRONG CHĂN NUÔI	63
5.1 BỆNH CHUỐNG HƠI DẠ CỎ	63
5.2 HỘI CHỨNG TIÊU CHẢY	65

5.2.1 Nguyên nhân do vi khuẩn	65
5.2.2 Nguyên nhân do virus	68
Chương 6. AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI	74
6.1 KHÁI NIỆM AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI	74
6.2 QUẢN LÝ ĐÀN VẬT NUÔI	74
6.2.1 Đóng kín đàn vật nuôi, thực hiện “cùng vào, cùng ra”	74
6.2.2 Nuôi cách ly vật nuôi mới nhập trại	75
6.3 KIỂM SOÁT CÁC TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN	75
6.3.1 Kiểm soát côn trùng, loài gặm nhấm, chó mèo và chim	75
6.3.2 Kiểm soát người	76
6.3.3 Kiểm soát phương tiện vận chuyển, thức ăn, nước	77
6.3.4 Kiểm soát dụng cụ, trang thiết bị	78
6.4 TĂNG CƯỜNG SỨC KHÁNG BỆNH CHO VẬT NUÔI	78
6.4.1 Chọn giống	78
6.4.2 Chăm sóc nuôi dưỡng	78
6.4.3 Tiêm phòng vaccine	78
6.4.4 Phòng trừ ve, ghẻ, giun sán, bọ chét, nội ngoại ký sinh trùng	79
6.5 VỆ SINH SÁT TRÙNG CHUỒNG TRẠI	79
6.5.1 Vệ sinh, sát trùng	79
6.5.2 Lưu ý lựa chọn thuốc khử trùng	80
6.6 XỬ LÝ XÁC CHẾT ĐỘNG VẬT, QUẢN LÝ VÀ RUỒI	80
6.6.1 Xử lý xác động vật	80
6.6.2 Quản lý phân và chống ruồi nhặng	81
TÀI LIỆU THAM KHẢO	82
PHỤ LỤC: MỘT SỐ SẢN PHẨM THÚ Y	84

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nguyên chữ
BBB	Blanc-Blue-Belgium
HF	Holstein Friesian
EHEC	<i>Enterohaemorrhagic E. coli</i>
EPEC	Enteropathogenic <i>E. coli</i>
ETEC	<i>Enteropathogenic E. coli</i>
VTEC	Verocytotoxin-producing <i>E. coli</i>
LMLM	Lở mồm long móng
VDNC	Viêm da nổi cục
LSD	Lumpy skin disease
PGF2	Prostaglandin
OIE	World Organization for Animal Health

Chương 1

GIỚI THIỆU

1.1 ĐẶC ĐIỂM MỘT SỐ GIỐNG BÒ

Giống bò thịt đa dạng với nhiều giống và con lai được nuôi trên thế giới nhưng cũng tùy vào điều kiện khí hậu và khối lượng trưởng thành. Tính trên khối lượng trưởng thành có thể chia thành 4 nhóm giống bò thịt như sau:

Nhóm 1: Bò địa phương hay các giống bò lai. Đại diện là giống Red Sindhi, Sahiwal của Ấn Độ và Pakistan, nhiều giống bò khác của các nước lân cận nuôi với mục tiêu kiêm dụng lấy sức kéo, thịt và sữa. Thích nghi rất tốt với khí hậu địa phương, chịu kham khổ và sinh sản vừa phải.

Nhóm 2: Bò có khối lượng trung bình, tỷ lệ thịt xẻ khá và không dai. Đại diện là giống Brahman, Drought Master được sản xuất tại Australia và thích nghi tốt với khí hậu nóng ẩm nhiệt đới.

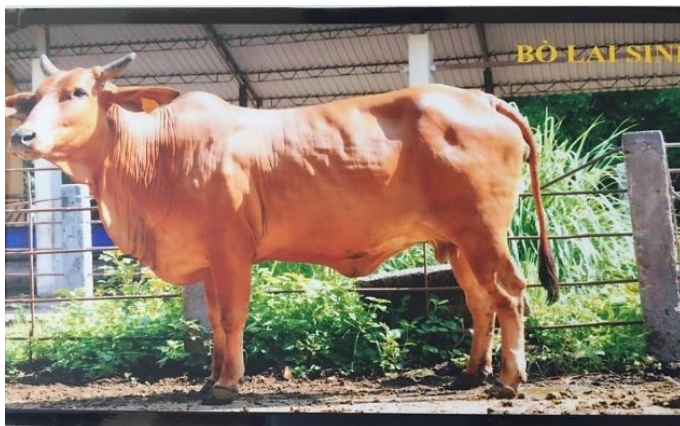
Nhóm 3: Bò có khối lượng trưởng thành trung bình, chất lượng thịt ngon và thành thực sinh dục sớm. Đại diện là giống Black Angus, Red Angus, Hereford của Anh và Wagyu của Nhật, thích hợp điều kiện khí hậu ôn đới.

Nhóm 4: Bò có khối lượng trưởng thành lớn, tỷ lệ thịt xẻ cao nhưng thành thực sinh dục chậm. Đại diện là giống Charolais, Limousin của Pháp, Blanc Bleu Belge (BBB) của Bỉ và Pismontesse của Italia, thích hợp với điều kiện khí hậu ôn đới, được sản xuất ở Châu Âu.

Trên 4 nhóm bò này có thể phân thành 2 nhóm chính là *Bos taurus* là nhóm chuyên thịt và *Bos indicus* là bò Zebu.

Bò Lai Sind

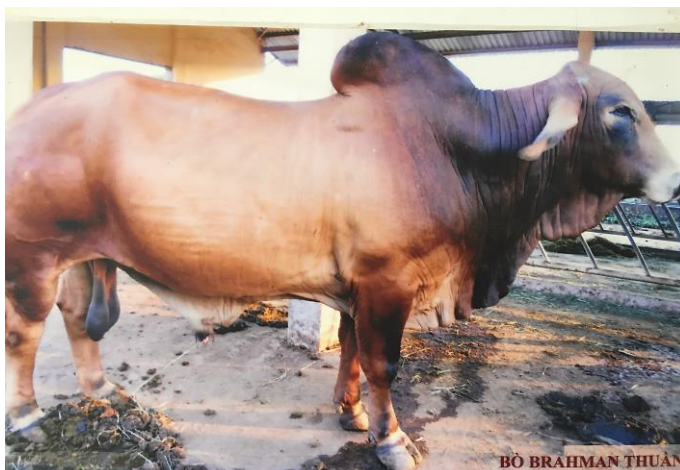
Bò Lai Sind là kết quả tạp giao giữa bò Red Sindhi hoặc bò Sahiwal với bò Vàng Việt Nam. Khối lượng trưởng thành của bò Lai Sind ở con đực là 400-450 kg, con cái có khối lượng là 250-350 kg. Bò Lai Sind chịu được kham khổ, khả năng chống bệnh cao, thích nghi tốt với điều kiện khí hậu nóng ẩm của nước ta.



Hình 1.1 Giống bò LaiSind
(Nguồn: <http://www.giasuclonrrdc.com>)

Bò Brahman

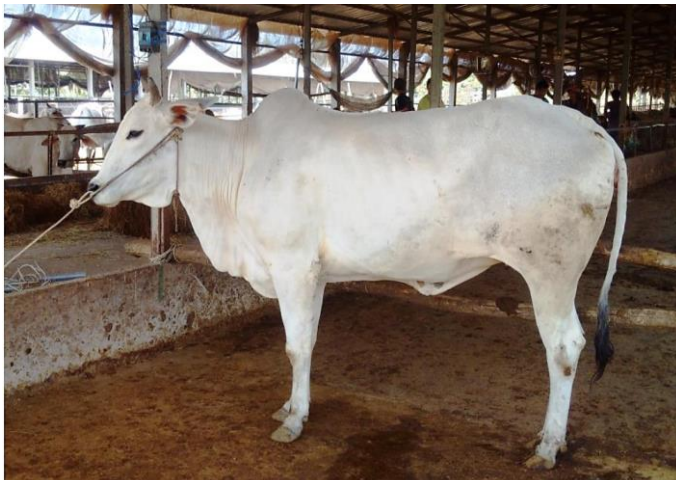
Bò Brahman là một giống bò nhiệt đới. Bò có bộ lông màu trắng tro, màu nâu hoặc vàng đỏ. Bò khi trưởng thành thì con cái có khối lượng 450-600 kg, khối lượng con đực 680-900 kg. Lúc 6-12 tháng tuổi tăng trọng khoảng 900-1.000 g/ngày. Tỷ lệ thịt xẻ 52-58% lúc bò 16-18 tháng tuổi. Bò Brahman được nhập khẩu từ Úc vào năm 2003-2005. Mục tiêu của nhập khẩu bò Brahman là để nhân thuần và cho lai với bò cái Lai Sind để tạo con lai hướng thịt hoặc làm nền để tạo các con lai hướng thịt với các giống bò chuyên dụng thịt khác.



Hình 1.2 Giống bò Brahman đỏ
(Nguồn: <http://www.giasuclonrrdc.com>)

Bò lai Zebu

Nhóm bò này đến Việt Nam qua hai con đường mua bán bò từ Thái Lan quá cảnh qua Cambodia đến Việt Nam và bò của Cambodia sang Việt Nam. Tỉnh An Giang có hai nhóm bò thịt: bò lai Zebu chiếm 98,5% và bò lai hướng thịt 1,47 % (bò lai hướng thịt là lai giữa bò cái Zebu với bò đực chuyên thịt).



Hình 1.3 Giống Bò lai Zebu
(Nguồn: nhóm tác giả, 2022)

Bò lai Charolais

Bò Charolais có màu lông trắng kem thuần nhất, chân thấp, mình tròn, cơ bắp nổi rõ. Lông trán dài và xoắn. Mắt trắng, viền mắt và gương mũi có màu lang hồng. Tính hiền dễ nuôi, được người dân ưa chuộng.



Hình 1.4 Giống bò lai Charolais
(Nguồn: <http://www.giasuclonrrdc.com>)

Trong điều kiện chăm sóc và dinh dưỡng tốt, bê lai F1 Charolais 6 tháng tuổi đạt khối lượng 144,1 kg/con, 12 tháng tuổi đạt 244,7 kg và 18 tháng tuổi đạt 320,7 kg. Trong điều kiện nông hộ như bò ta, lúc 12 tháng bê F1 Charolais đạt 164,6 kg. Tỷ lệ thịt xẻ của F1 là 56,3%.

Bò BBB (Blanc-Blue-Belgium)

Bò BBB hay bò lang trắng xanh có nguồn gốc từ Bỉ. Một số nơi nông dân còn gọi bò 3B. Giống có đặc điểm ngoại hình da loang lổ màu trắng xen xanh xám, cơ bắp phát triển, đặc biệt là vùng đùi sau và phần cơ mông (phát triển hơn 40% so với bò thông thường). Đây là giống bò thịt cao sản. Được mệnh danh là "cỗ máy" sản xuất thịt.

Khối lượng bò trưởng thành đạt 900-1.250 kg với con đực và 600-800 kg với con cái. Khả năng tăng trọng trung bình đạt 1,3 kg/ngày. Tỷ lệ thịt xẻ đạt 60-70%. Tỷ lệ thịt tinh/thịt xẻ đạt 78%. Tuổi đẻ lứa đầu trung bình là 32 tháng. Thời gian mang thai 280 ngày. Tỷ lệ đẻ hàng năm đạt 80%. Khoảng cách lứa đẻ là 14 tháng. Nhược điểm của bò cái BBB là sự đàn hồi của cơ xương chậu kém, nên trên 90% bò cái BBB khi đẻ phải mổ để lấy thai.

Bê sơ sinh có khối lượng 45,5 kg, bình quân 44 kg/con. Bê 6-12 tháng tăng trọng bình quân 1.300 gram/ngày.



Hình 1.5 Giống bò 3B (Blanc-Blue-Belgium)
(Nguồn: <https://kythuatnongnghiep.com>)

Bò lai Droughtmaster

Đặc điểm ngoại hình: Là giống lớn con trung bình, thân dài, tròn, lông ngắn, thưa, mượt, da mỏng, đàn hồi tốt, màu lông từ màu vàng nhạt đến đỏ sậm. Phần lớn bò đều không sừng, u lưng nhỏ, chân và móng chắc, khỏe.

Thích hợp với điều kiện nóng bức. Tận dụng đồng cỏ nghèo nàn rất tốt, dễ đẻ, lành tính, nuôi con tốt.



Hình 1.6 Bò lai Droughtmaster
(Nguồn: nhóm tác giả, 2022)

Angus và con lai

Bò Angus bao gồm hai nhóm giống là Aberdeen Angus và Red Angus tương ứng với màu lông đen và lông đỏ, Aberdeen Angus còn được gọi là Black Angus. Black Angus và Red Angus có khối lượng trưởng thành khoảng 800-1.000 kg/đực và 600-700 kg/cái, thành thực sinh dục sớm, tăng trọng tốt và tỷ lệ thịt xẻ cao. Thịt bò Black Angus đã từng giữ kỷ lục thế giới về chất lượng thịt gần một thế kỷ qua. Red Angus đạt khối lượng lúc 15 tháng tuổi trên con đực khoảng 450-460 kg và con cái khoảng 350 - 450 kg, tỷ lệ thịt xẻ khoảng 65-67%, con lai nhóm Red Angus với bò lai Zebu được nuôi phổ biến trong nông hộ tại Tây Nguyên.

Bò Black Angus và Red Angus là giống bò chuyên thịt, bò đực giống Red Angus thuần được nhập vào nước ta từ chương trình cải tạo giống bò thịt theo hướng chất lượng cao năm 2010-2015 và Black Angus được nhập tình về trong những năm gần đây. Bò có kiểu hình toàn đen và không có sừng là gene trội nên con lai của chúng luôn không có sừng. Ưu điểm giúp giữ kỷ lục về chất lượng thịt của Angus là có vân mỡ xen lẫn trong sợi cơ giúp cho thịt mềm và béo hơn.